

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS : Hiểu được nhu cầu nghị luận trong đời sống và đặc điểm chung của văn bản nghị luận.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Văn bản nghị luận là một trong những kiểu văn bản quan trọng trong đời sống xã hội của con người, có vai trò rèn luyện tư duy, năng lực biểu đạt những quan niệm, tư tưởng sâu sắc trước đời sống. Trước tác của các nhà tư tưởng, nhà lí luận, nhà triết học, nhà chính trị đều viết dưới hình thức nghị luận. Có thể nói không có văn nghị luận thì khó mà hình thành các tư tưởng mạch lạc và sâu sắc trong đời sống. Có năng lực nghị luận là một điều kiện cơ bản để con người thành đạt trong cuộc sống xã hội.

2. Văn nghị luận thực chất là văn bản thuyết lí, văn bản nói lí lẽ nhằm phát biểu các nhận định, tư tưởng, suy nghĩ, quan điểm, thái độ trước một vấn đề đặt ra. Do đó muốn làm văn nghị luận tốt, người ta phải có khái niệm, có quan điểm, chủ kiến rõ ràng, biết sử dụng khái niệm, biết tư duy lôgic, đồng thời biết vận dụng các thao tác phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch, so sánh, suy lí,... nói chung là biết tư duy trừu tượng. Đây là loại hình văn bản tương đối khó đối với

HS nói chung, nhất là đối với HS THCS. Những người quen tư duy cụ thể, cảm tính, ít năng lực suy luận sẽ cảm thấy khó. Những người ít có bản lĩnh, ít có chủ kiến đối với mọi việc cũng sẽ cảm thấy khó. Nhưng chính vì vậy mà văn nghị luận sẽ rèn luyện cho HS năng lực tư duy, kĩ năng nghị luận và tinh thần tự chủ trước cuộc sống.

3. Chương trình Tập làm văn THCS chia làm hai cấp độ. Ở lớp 7, thuộc cấp độ một, giới thiệu những thao tác chung nhất. Cần cho các em biết văn nghị luận phải có luận điểm, có lí lẽ, dẫn chứng, có phương pháp lập luận để nối kết các luận điểm nhỏ cùng luận cứ nhằm giải quyết một vấn đề nào đó và đề ra luận điểm lớn. Phương pháp dạy ở đây không vội nhồi nhét định nghĩa khái niệm mà nêu ra các ví dụ để HS tự cảm thấy trước, rồi gợi dẫn để HS thấm dần.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Hỏi đáp về nhu cầu nghị luận. (Gồm ba hoạt động nhỏ)

a) GV nêu câu hỏi như trong SGK và cho HS nêu thêm câu hỏi tương tự, bằng cách cho mỗi em nêu thêm một câu, ghi vào giấy hoặc vở bài tập, GV kiểm tra, hỏi một số HS xem có nêu được vấn đề không, nêu đúng, sai thế nào. GV hướng dẫn nêu lại vấn đề cho đúng.

b) Hỏi về cách trả lời. Tất nhiên câu trả lời phải là văn nghị luận. Nhưng vì sao? Đây là câu hỏi có ý nghĩa quan trọng. Bản thân câu hỏi buộc người ta phải trả lời bằng lí lẽ, phải sử dụng khái niệm thì mới trả lời được thông suốt.

Ví dụ, con người không thể thiếu tình bạn, vậy "bạn" là gì, không thể kể về một người bạn cụ thể mà giải quyết được vấn đề. Cũng vậy, nói hút thuốc lá có hại, rồi kể chuyện một người hút thuốc lá bị ho lao,... đều không thuyết phục, vì có rất nhiều người vẫn đang hút. Cái hại không thấy ngay trước mắt, cho nên phải phân tích, cung cấp số liệu,... thì người ta mới hiểu và tin được.

GV hướng cho HS thấy rằng cần phải tư duy khái niệm, sử dụng nghị luận thì mới đáp ứng yêu cầu trả lời các câu hỏi loại đó trong cuộc sống.

c) Chỉ ra các văn bản nghị luận thường gặp trên báo chí, đài phát thanh.

– GV sưu tầm nhiều tài liệu nghị luận. Có thể chỉ ra một số bài nghị luận trên báo cho HS thấy.

– Cho HS gọi tên các loại bài nghị luận. (GV cho HS ghi vào giấy, vở bài tập hoặc ghi lên bảng.)

Bài tập 4. Bài văn kể chuyện để nghị luận. Hai cái hồ có ý nghĩa tượng trưng, từ hai cái hồ mà nghĩ tới hai cách sống của con người.

Như vậy, HS đã sơ bộ biết và thấy văn bản nghị luận, nhận thấy chúng tồn tại khắp nơi trong đời sống.

Hoạt động 2. Tìm hiểu đặc điểm chung của văn bản nghị luận. (Có hai hoạt động nhỏ)

a) Đọc văn bản. Đây là một văn bản nghị luận tiêu biểu và hay, ngắn gọn. GV lưu ý cho HS đọc trước ở nhà, đến lớp đọc lại. Chú ý câu hỏi về "mục đích", cho HS chú ý mục đích của văn bản. Văn bản "*hướng tới ai?*", "*Nói với ai?*", tiếp đến là "*Nói cái gì?*". Trả lời câu hỏi "*Nói cái gì?*" sẽ nêu ra điều mà ta gọi là luận điểm. Luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: "Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí..." và "Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ". GV cho HS biết các câu đó gọi là luận điểm, bởi chúng mang quan điểm của tác giả. Với các luận điểm đó, tác giả đề ra nhiệm vụ cho mọi người. Từ đó cho HS chú ý: Câu có luận điểm có đặc điểm gì? Đó là những câu *khẳng định một ý kiến, một tư tưởng*.

b) Để ý kiến có sức thuyết phục, bài viết nêu lên những lí lẽ nào?

- Tình trạng thất học, lạc hậu trước Cách mạng tháng Tám.
- Những điều kiện cần phải có để người dân tham gia xây dựng nước nhà.
- Những khả năng thực tế trong việc chống nạn thất học.

Khi cho HS học Ghi nhớ, GV chú ý xem HS có hiểu không, có thể nêu câu hỏi để kiểm nghiệm với những điều Ghi nhớ.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Đọc bài nghị luận ngắn và trả lời câu hỏi. Câu hỏi đầu tiên, đây có phải là văn bản nghị luận không, nhằm gây chú ý cho HS rằng, trong bài tuy có kể một số thói quen xấu, nhưng thực chất là văn nghị luận. Nhan đề bài nghị luận là một ý kiến, một luận điểm. Mở bài là nghị luận, Kết bài là nghị luận, Thân bài trình bày những thói quen xấu cần loại bỏ. Bài viết gọn.

Cho HS thấy cụ thể đâu là vấn đề nêu ra, đâu là kết luận, đâu là dẫn chứng, đâu là lí lẽ.

Bài tập 3. GV khuyến khích HS sưu tầm bài văn, đoạn văn nghị luận ngắn, để hiểu trên báo chí.